ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HẢI LĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 414 /BC-UBND	*Hải Lăng, ngày 13 tháng 7 năm 2026*

BÁO CÁO
Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025; phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2026-2030

Phần thứ I
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 xã Hải Lăng được triển khai trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước có nhiều biến động nhanh, phức tạp, khó lường; đan xen giữa thuận lợi, thời cơ và nhiều khó khăn, thách thức, tác động trực tiếp đến việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của địa phương.

Trong nước, kinh tế - xã hội từng bước phục hồi sau dịch bệnh COVID-19; nhiều chính sách hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, đầu tư công, an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới và chuyển đổi số được ban hành, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương phát triển. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn chịu áp lực từ lạm phát, sức mua phục hồi chậm, chi phí sản xuất tăng cao và diễn biến khó lường của thị trường. Trong tỉnh, các chương trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, đầu tư hạ tầng thiết yếu tiếp tục được quan tâm triển khai, tạo điều kiện cho khu vực nông thôn phát triển. Bên cạnh đó, nguồn lực đầu tư còn hạn chế, quy mô kinh tế còn nhỏ, thường xuyên chịu ảnh hưởng của bão lũ, hạn hán và biến động thị trường.

Đối với địa bàn các xã Hải Lâm, Hải Phú, Hải Thượng trước khi sáp nhập, kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ; hạ tầng từng bước được đầu tư, đời sống Nhân dân tiếp tục cải thiện. Tuy nhiên, xuất phát điểm kinh tế còn thấp, sản xuất nhỏ lẻ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, khả năng huy động nguồn lực còn hạn chế; đồng thời chịu tác động trực tiếp của dịch bệnh, thiên tai và giá cả thị trường.

Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên; sự điều hành quyết liệt của chính quyền địa phương; cùng với tinh thần đoàn kết, nỗ lực của cả hệ thống chính trị và Nhân dân, các địa phương đã từng bước vượt qua khó khăn, duy trì ổn định sản xuất, bảo đảm an sinh xã hội và đạt nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh trong giai đoạn 2021 - 2025.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC THEO CÁC NHÓM CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐÃ ĐỀ RA

1. Về kết quả thực hiện công tác kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, bảo đảm đời sống xã hội trở lại hoạt động bình thường, tạo nền tảng quan trọng để phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội

Công tác phòng, chống dịch COVID-19 được triển khai nghiêm túc, kịp thời, đồng bộ theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và cấp trên. Cấp ủy, chính quyền đã huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, quản lý địa bàn, rà soát, truy vết, giám sát y tế, tổ chức cách ly và tiêm chủng vắc xin bảo đảm an toàn, đúng quy định.

Các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng yếu thế và người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh được triển khai kịp thời, công khai, đúng đối tượng. Hoạt động sản xuất, lưu thông hàng hóa, dạy và học, khám chữa bệnh và các hoạt động dân sinh thiết yếu cơ bản được duy trì ổn định.

Sau khi dịch bệnh được kiểm soát, địa phương chủ động chuyển sang trạng thái thích ứng an toàn, linh hoạt; tập trung phục hồi sản xuất, thúc đẩy đầu tư xây dựng, tạo việc làm và ổn định đời sống Nhân dân.

2. Về kết quả thực hiện lĩnh vực kinh tế

Mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, thiên tai và biến động thị trường, kinh tế địa phương vẫn duy trì đà tăng trưởng khá. Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn đạt 8,66%/năm, đây là kết quả tích cực trong bối cảnh nhiều khó khăn. Quy mô nền kinh tế được mở rộng rõ rệt. Tổng giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) tăng từ 892,68 tỷ đồng năm 2021 lên 1.323,93 tỷ đồng năm 2025, tăng gần 1,5 lần. Điều này cho thấy năng lực sản xuất của địa phương tiếp tục được củng cố.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng nhanh khu vực dịch vụ và công nghiệp - xây dựng. Đến năm 2025, dịch vụ chiếm 39,70%, công nghiệp - xây dựng chiếm 31,51%, nông - lâm - ngư nghiệp còn 28,79%. Đây là chuyển biến tích cực, phù hợp xu thế phát triển chung của khu vực nông thôn mới. Thu nhập bình quân đầu người đạt 88,08 triệu đồng/người/năm, tăng mạnh so với mức 59,74 triệu đồng năm 2021. Kết quả này phản ánh đời sống người dân tiếp tục được cải thiện, mức sống ngày càng nâng lên.

2.1. Sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp trên địa bàn tiếp tục duy trì và phát triển ổn định, khai thác được tiềm năng, lợi thế của địa phương.

Trong điều kiện sản xuất nông nghiệp gặp nhiều rủi ro do thời tiết và giá vật tư tăng cao, khu vực nông - lâm - ngư nghiệp vẫn giữ vai trò nền tảng, bảo đảm sinh kế cho người dân và ổn định kinh tế địa phương. Giá trị sản xuất khu vực nông - lâm - ngư nghiệp tăng từ 512,66 tỷ đồng năm 2021 lên 640,45 tỷ đồng năm 2025. Sản xuất trồng trọt được duy trì ổn định; diện tích lúa hằng năm trên 1.436 ha, bảo đảm an ninh lương thực. Sản lượng lương thực có hạt năm 2025 đạt 8.322,3 tấn, vượt chỉ tiêu nghị quyết.

Cơ cấu cây trồng chuyển dịch tích cực. Diện tích cây ăn quả tăng từ 161,5 ha lên 210 ha; diện tích canh tác hữu cơ, tự nhiên được duy trì. Một số cây trồng kém hiệu quả từng bước được chuyển đổi. Chăn nuôi tiếp tục phát triển theo hướng nâng cao chất lượng đàn vật nuôi. Tổng đàn lợn đạt 24.500 con, đàn gia cầm đạt 405 nghìn con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 3.240 tấn, góp phần tăng thu nhập cho người dân. Lâm nghiệp tiếp tục là thế mạnh. Giá trị sản xuất lâm nghiệp tăng từ 142,58 tỷ đồng lên 204,33 tỷ đồng; sản lượng gỗ khai thác năm 2025 đạt 37.290 m^3. Diện tích rừng có chứng chỉ FSC tăng lên 366 ha, cho thấy hướng phát triển lâm nghiệp bền vững từng bước hình thành. Nuôi trồng thủy sản ổn định, diện tích đạt 223,3 ha, sản lượng cá nước ngọt đạt 522 tấn.

3.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

Khu vực công nghiệp - xây dựng duy trì tốc độ tăng trưởng khá, là ngành có vai trò ngày càng lớn trong cơ cấu kinh tế. Giá trị sản xuất khu vực này tăng từ 438,10 tỷ đồng năm 2021 lên 701,10 tỷ đồng năm 2025; tốc độ tăng bình quân đạt 10,60%/năm, tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu kinh tế tăng từ 29,25% năm 2021 lên 31,51% năm 2025, cho thấy vai trò ngày càng lớn trong phát triển kinh tế địa phương. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng từ 284,77 tỷ đồng lên 455,72 tỷ đồng. Số cơ sở công nghiệp - TTCN tăng từ 290 cơ sở lên 330 cơ sở; lao động ngành tăng từ 1.163 người lên 1.610 người, góp phần giải quyết việc làm và chuyển dịch lao động nông thôn sang phi nông nghiệp.

Lĩnh vực xây dựng phát triển gắn với đầu tư hạ tầng và xây dựng nông thôn mới. Tổng vốn đầu tư xã hội đạt 953 tỷ đồng năm 2021, 1.040 tỷ đồng năm 2022, 889 tỷ đồng năm 2023, 986 tỷ đồng năm 2024 và 805 tỷ đồng năm 2025. Nguồn vốn tập trung cho giao thông, thủy lợi, trường học, cơ sở văn hóa, y tế và hạ tầng phục vụ sản xuất.

Bên cạnh kết quả đạt được, quy mô sản xuất còn nhỏ, sức cạnh tranh chưa cao, công nghệ sản xuất còn hạn chế.

3.3. Thương mại - Dịch vụ

Khu vực thương mại - dịch vụ tiếp tục phát triển khá, từng bước mở rộng quy mô và đa dạng loại hình kinh doanh. Giá trị sản xuất khu vực dịch vụ (giá so sánh năm 2010) tăng từ 339,00 tỷ đồng năm 2021 lên 547,65 tỷ đồng năm 2025, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 11,03%/năm, cao nhất trong các khu vực kinh tế. Theo giá hiện hành, giá trị sản xuất dịch vụ tăng từ 546,77 tỷ đồng lên 883,30 tỷ đồng. Tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu kinh tế tăng từ 36,51% năm 2021 lên 39,70% năm 2025, tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất.

Tổng số cơ sở kinh doanh tăng từ 591 cơ sở năm 2021 lên 703 cơ sở năm 2025; cao nhất là 713 cơ sở năm 2024. Lao động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ tăng từ 1.346 người lên 1.623 người.

Hoạt động lưu thông hàng hóa cơ bản thông suốt; nguồn cung các mặt hàng thiết yếu được bảo đảm. Công tác quản lý thị trường, an toàn thực phẩm được quan tâm thực hiện. Các loại hình dịch vụ ngày càng đa dạng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của Nhân dân. Hoạt động lưu thông hàng hóa cơ bản thông suốt, nhất là trong thời điểm dịch bệnh và thiên tai.

3.4. Hiệu quả hoạt động kinh tế tập thể, phát triển kinh tế tư nhân có bước nâng lên.

Kinh tế tập thể, nòng cốt là các hợp tác xã (HTX), được củng cố và phát triển theo hướng nâng cao hiệu quả hoạt động. Đến cuối năm 2025, toàn xã có 08 HTX nông nghiệp đang hoạt động ổn định, thực hiện tốt các khâu dịch vụ đầu vào, liên kết tiêu thụ sản phẩm cho thành viên. Bên cạnh đó, kinh tế tư nhân ngày càng phát triển, thu hút hàng nghìn lao động, đóng góp đáng kể vào nguồn thu ngân sách. trở thành động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh, bền vững.

3.5. Xây dựng nông thôn mới

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được tập trung chỉ đạo quyết liệt và đạt nhiều kết quả rõ nét. Trong giai đoạn, duy trì 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới; từ năm 2023 có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Hạ tầng thiết yếu

tiếp tục được đầu tư; nhiều công trình giao thông, trường học, nhà văn hóa, khu thể thao được nâng cấp. Các phong trào "Thôn nông thôn mới", "Vườn mẫu", "Tuyến đường hoa", chỉnh trang khu dân cư được Nhân dân đồng tình hưởng ứng, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, nâng cao chất lượng sống.

Hoạt động của các hợp tác xã ngày càng hiệu quả, đóng vai trò tích cực trong cung cấp dịch vụ sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Nhiều hợp tác xã được công nhận điển hình tiên tiến, hợp tác xã kiểu mới. Quỹ tín dụng nhân dân tiếp tục hoạt động ổn định, đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh, giảm nghèo và phát triển nông thôn.

3.6. Công tác quản lý nhà nước về thu, chi ngân sách trên địa bàn được thực hiện đảm bảo theo đúng pháp luật và dự toán cấp trên giao.

Công tác quản lý, điều hành ngân sách được thực hiện đúng quy định. Thu ngân sách hằng năm đạt và vượt chỉ tiêu giao, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn cả giai đoạn đạt 30,6 tỷ đồng, bình quân 6,13 tỷ đồng/năm, nằm trong khung mục tiêu Nghị quyết đề ra từ 30 - 35 tỷ đồng cho cả giai đoạn. Kết quả này thể hiện nỗ lực trong công tác quản lý thu, khai thác nguồn thu và điều hành ngân sách của địa phương. Chủ động khai thác hiệu quả nguồn thu tại chỗ, thực hiện nghiêm quy chế chi tiêu nội bộ, tiết kiệm chi thường xuyên, ưu tiên dành nguồn lực cho các công trình thiết yếu. Việc quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách cấp trên được thực hiện chặt chẽ, đúng đối tượng.

Công tác chi ngân sách được quản lý chặt chẽ, đúng mục đích, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và trong phạm vi dự toán được giao. Ngân sách địa phương ưu tiên bố trí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên thiết yếu, chi con người, an sinh xã hội, giáo dục, y tế, quốc phòng - an ninh, hoạt động của bộ máy nhà nước và các nhiệm vụ đột xuất phát sinh theo quy định. Công tác lập dự toán, chấp hành dự toán, quyết toán ngân sách được thực hiện nền nếp; chế độ công khai ngân sách được triển khai theo quy định. Việc quản lý, sử dụng tài sản công, mua sắm, sửa chữa tài sản nhà nước từng bước đi vào chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả. Công tác thanh tra, kiểm tra, tự kiểm tra tài chính được quan tâm, qua đó kịp thời chấn chỉnh các tồn tại, hạn chế trong quản lý ngân sách.

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác tài chính - ngân sách vẫn còn một số khó khăn như nguồn thu trên địa bàn chưa thật sự bền vững, còn phụ thuộc vào một số khoản thu phát sinh; nhu cầu chi cho đầu tư hạ tầng, an sinh xã hội và hoạt động bộ máy ngày càng lớn; khả năng cân đối ngân sách ở một số thời điểm còn khó khăn.

3.7. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch và đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Hoàn thành đồ án Quy hoạch chung đô thị mới La Vang đến năm 2045, đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Hải Thượng đến năm 2035. Đầu tư cơ sở hạ tầng khu vực phát triển dân cư mới, khu thương mại - dịch vụ Trằm Lớn và quy hoạch đấu giá quyền sử dụng đất. Tăng cường vốn xã hội hóa các nguồn vốn; lồng ghép các nguồn vốn đầu tư đảm bảo hiệu quả.

3.8. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai được quan tâm chỉ đạo.

Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường được tăng cường, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương sau sáp nhập. Việc rà soát, điều chỉnh

quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được quan tâm thực hiện, cơ bản bảo đảm phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu đầu tư kết cấu hạ tầng và sử dụng đất hiệu quả. Công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được triển khai theo quy định; việc đấu giá quyền sử dụng đất được tổ chức thực hiện, góp phần tạo nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

Công tác quản lý đất công, đất chưa sử dụng, xử lý tranh chấp đất đai, lấn chiếm hành lang, vi phạm trật tự sử dụng đất được quan tâm chỉ đạo. Việc cắm mốc địa giới hành chính, rà soát hồ sơ địa chính, cập nhật biến động đất đai từng bước được thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai.

Công tác bảo vệ môi trường có nhiều chuyển biến tích cực. Chương trình thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt được duy trì thường xuyên; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế được xử lý đạt 96%, tiệm cận mục tiêu đề ra. Công tác tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, hạn chế rác thải nhựa, giữ gìn cảnh quan nông thôn được đẩy mạnh gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới. Lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tiếp tục được quan tâm đầu tư; tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch tăng từ 61,4% năm 2021 lên 71,5% năm 2025, hoàn thành mục tiêu Nghị quyết đề ra. Tỷ lệ hộ có hố xí tự hoại, bán tự hoại đạt 100% vào cuối giai đoạn, góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt và sức khỏe Nhân dân.Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được chú trọng. Tỷ lệ độ che phủ rừng đến năm 2025 50,7%; diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ FSC tăng từ 220,1 ha lên 366 ha, góp phần nâng cao giá trị kinh tế lâm nghiệp và phát triển bền vững.

Công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn được chỉ đạo chủ động, kịp thời. Các phương án ứng phó bão, lũ, hạn hán, cứu hộ cứu nạn được xây dựng, bổ sung hằng năm; lực lượng, phương tiện, vật tư dự phòng được chuẩn bị tương đối đầy đủ. Nhờ đó, địa phương đã hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của Nhân dân và ổn định sản xuất. Bên cạnh kết quả đạt được, công tác quản lý tài nguyên, môi trường vẫn còn một số khó khăn như tình trạng vi phạm đất đai còn phát sinh ở một số nơi; hạ tầng xử lý môi trường chưa đồng bộ; ý thức chấp hành pháp luật về môi trường của một bộ phận người dân chưa cao; nguy cơ ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu còn lớn. Tuy nhiên, nhìn chung giai đoạn 2021 - 2025, lĩnh vực tài nguyên, môi trường và phòng, chống thiên tai đã đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào phát triển bền vững của địa phương.

4. Về kết quả thực hiện lĩnh vực văn hóa- xã hội

4.1. Công tác ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số được triển khai mạnh mẽ, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số được chú trọng trong quản lý, điều hành của chính quyền, việc số hóa hồ sơ, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, khai thác cơ sở dữ liệu dân cư và triển khai Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ được quan tâm thực hiện, nhất là trong cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công, y tế, giáo dục, an ninh trật tự, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số có chuyển biến rõ nét, tạo nền tảng để tiếp tục triển khai các nhiệm vụ xây dựng chính quyền điện tử và chuyển đổi số toàn diện trong giai đoạn tiếp theo.

4.2. Sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục thể thao được quan tâm phát triển.

Các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng được duy trì thường xuyên, tổ chức thành công Đại hội Thể dục - Thể thao cấp xã và tham gia tích cực các hoạt động do cấp trên phát động. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa được quan tâm đúng mức. Tỷ lệ người dân tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên đạt trên 50%. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với xây dựng "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới" tiếp tục phát triển. 100% thôn và cơ quan đạt danh hiệu văn hóa; tỷ lệ gia đình văn hóa bình quân hằng năm đạt 96,4%. Các thiết chế văn hóa tiếp tục được quan tâm đầu tư.

4.3. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo tiếp tục phát triển.

Chất lượng giáo dục - đào tạo tiếp tục được duy trì và nâng cao. Công tác phổ cập giáo dục đạt chuẩn theo quy định: mầm non cho trẻ 5 tuổi được duy trì; tiểu học đạt mức độ 3; THCS đạt mức độ 2. Tỷ lệ huy động học sinh vào các cấp học đạt cao; số học sinh đỗ vào đại học, cao đẳng ngày càng tăng. Chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn có nhiều chuyển biến tích cực; các trường học cơ bản đạt chuẩn quốc gia. Phong trào khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập tiếp tục phát triển mạnh thông qua các mô hình "Gia đình học tập", "Dòng họ học tập". Kết quả xếp loại chất lượng giáo dục hằng năm của các cấp học luôn nằm trong nhóm dẫn đầu.

4.4. Công tác chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, công tác khám chữa bệnh, phòng ngừa dịch bệnh; công tác dân số - gia đình và trẻ em luôn được chú trọng.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân đạt nhiều kết quả tích cực. Các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được triển khai đồng bộ, hiệu quả; xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Công tác phòng, chống dịch bệnh, nhất là Covid-19, được thực hiện kịp thời, hiệu quả. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92,2%. Công tác dân số và chăm sóc, bảo vệ trẻ em được chú trọng. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên duy trì ở mức 0,7%; tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên là 11,3%. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn dưới 3,7%. Xã được công nhận đạt chuẩn "Xã phù hợp với trẻ em".

4.5. Công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững, các chính sách an sinh xã hội thường xuyên quan tâm.

Công tác giải quyết việc làm đạt kết quả tích cực, đã hỗ trợ tạo việc làm cho 829 lao động, trong đó có 137 lao động đi làm việc ở nước ngoài. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 83,7%, trong đó lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 62,3%. Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 được triển khai hiệu quả, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 0,17%/năm. Công tác chăm lo gia đình người có công với cách mạng và các đối tượng chính sách được thực hiện tốt. Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" vận động được 225 triệu đồng.

5. Về kết quả thực hiện xây dựng chính quyền và thực thi pháp luật, cải cách hành chính

Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. HĐND đã phát huy vai trò hoạt động, kịp thời ban hành các nghị quyết thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đồng thời phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương; công tác tiếp xúc cử tri; hoạt động giám sát được tổ chức nghiêm túc, đúng kế hoạch, góp phần giải quyết những vấn đề bức xúc ở địa phương.

UBND đã chủ động, linh hoạt trong quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát

triển KT-XH, QP-AN; đôn đốc triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, chương trình hành động, đề án, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước kịp thời và khá hiệu quả. Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện đúng quy trình; việc triển khai, áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên được thực hiện kịp thời, đúng quy định. Tổ chức tốt công tác bầu cử trưởng thôn, nhiệm kỳ 2025-2027.

Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành. Chất lượng hoạt động của bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả chuyển biến rõ nét. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được chú trọng; phát huy tốt việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Quán triệt nghiêm túc các quy định của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và kịp thời ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân thực hiện theo quy định. Tăng cường công tác đối thoại với Nhân dân, hòa giải ở cơ sở. Tập trung chỉ đạo rà soát, xử lý và giải quyết các vụ việc nổi lên, vụ việc tồn đọng, dư luận xã hội quan tâm, hạn chế vụ việc kéo dài, vượt cấp; giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Hằng năm, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc kê khai, công khai tài sản thu nhập với tỷ lệ đạt 100%.

6. Về kết quả thực hiện Quốc phòng - an ninh

6.1. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được tăng cường

Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương; diễn tập khu vực phòng thủ cấp xã đạt kết quả. Chất lượng huấn luyện quân sự, giáo dục và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh tiếp tục được nâng lên. Củng cố, nâng cao chất lượng xây dựng khu vực phòng thủ, gắn thế trận quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Hoàn thành chỉ tiêu giao quân hằng năm. Lực lượng dân quân và dự bị động viên được xây dựng, củng cố theo đúng quy định[1]. Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân đạt 28,5%, lực lượng bảo vệ ANTT cơ sở đạt 83%.

6.2. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo

Kịp thời phát hiện, chủ động xử lý hiệu quả các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự. Chỉ đạo phối hợp thực hiện tốt việc tuyên truyền vận động Nhân dân đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Duy trì hiệu quả hoạt động Ban Chỉ đạo 138&1523 xã. Thực hiện tốt công tác quản lý hành chính, Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư.

III. HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm; việc ứng dụng khoa học-công nghệ, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chưa được triển khai mạnh mẽ. Các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại-dịch vụ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương. Công tác quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường vẫn còn bất cập. Một số tiêu chí

[1] Huy động lực lượng dự bị động viên đạt 100%; lực lượng dân quân cơ bản ổn định, tỷ lệ đạt 1,64% so với dân số, tổ chức biên chế đúng quy định.

nông thôn mới đã đạt nhưng tính bền vững chưa cao.

Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo nghề vẫn ở mức cao**;** việc tạo việc làm mới cho lao động nông thôn còn hạn chế**.**

Các hành vi trộm cắp, đánh bạc, mua bán và sử dụng trái phép chất ma túy**,** tín dụng đen vẫn còn xảy ra. Một số mô hình, phong trào phòng, chống tội phạm chưa phát huy hiệu quả, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới**.**

Phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa, tập trung quy mô, ứng dụng công nghệ cao để chế biến hàng nông sản, sản phẩm sạch, an toàn còn gặp nhiều khó khăn. Việc liên doanh, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế. Việc xây dựng cánh đồng lớn còn chậm. Xây dựng sản phẩm OCOP và mô hình kinh tế điểm còn thiếu và chưa có tính lan tỏa.

Việc huy động nguồn lực cho đầu tư hạ tầng kỹ thuật còn hạn chế. Hoạt động của một số HTX chậm đổi mới, các dịch vụ có lãi chưa nhiều, nợ đọng khó thu hồi vẫn tồn tại.

Công tác quy hoạch, cập nhật điều chỉnh quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đất đai có mặt còn chậm. Việc tạo quỹ đất, đấu giá quyền sử dụng đất để tạo nguồn lực đầu tư chưa đạt yêu cầu.

Các cơ sở CN-TTCN chủ yếu có quy mô nhỏ, ít có doanh nghiệp có năng lực đầu tư công nghệ, xúc tiến xuất khẩu.

Một số thiết chế văn hóa xuống cấp, thiếu kinh phí đầu tư. Chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao tại cộng đồng chưa cao; phong trào văn hóa ở một số nơi còn hình thức.

Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số có chuyển biến nhưng chưa đồng đều; năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của một bộ phận cán bộ, công chức có mặt còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu trong tình hình mới.

IV. Nguyên nhân

1. Nguyên nhân khách quan

Giai đoạn 2021 - 2025 diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước có nhiều biến động phức tạp, khó lường; đại dịch COVID-19 tác động sâu rộng đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, làm gián đoạn sản xuất, lưu thông hàng hóa và ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển của địa phương.

Biến đổi khí hậu, thiên tai, bão lũ, mưa lớn trái mùa, hạn hán và dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi xảy ra trong một số thời điểm đã ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp, kết cấu hạ tầng và đời sống Nhân dân.

Giá cả thị trường, nhất là vật tư nông nghiệp, nhiên liệu, nguyên vật liệu xây dựng có thời điểm biến động mạnh; sức mua phục hồi chậm, thị trường bất động sản trầm lắng, ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh, đầu tư và nguồn thu ngân sách địa phương.

Xuất phát điểm kinh tế của địa phương còn thấp; quy mô nền kinh tế nhỏ; kết cấu hạ tầng chưa thật sự đồng bộ; nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước và xã hội hóa còn hạn chế. Địa bàn còn tiềm ẩn một số yếu tố phức tạp về an ninh trật tự; trong khi ý thức chấp hành pháp luật, tinh thần cảnh giác của một bộ phận người dân chưa cao, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước ở cơ sở.

2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trên một số lĩnh vực chưa

thực sự quyết liệt, hiệu quả chưa cao.

Công tác tham mưu và phối hợp giữa một số bộ phận, đơn vị trong giải quyết công việc chưa thật sự chặt chẽ, đồng bộ; chất lượng tham mưu trên một số lĩnh vực chưa cao.

Công tác tuyên truyền, vận động của tổ chức và các đoàn thể ở một số đơn vị có lúc chưa đạt yêu cầu. Một số cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ và sinh hoạt; ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân chưa nghiêm.

Việc huy động và phân bổ nguồn lực, kêu gọi đầu tư; chính sách ưu đãi, tạo quỹ đất sạch để thu hút nhà đầu tư quy mô còn hạn chế.

Tổ chức sản xuất nông nghiệp chậm đổi mới; liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chưa nhiều; tích tụ, tập trung ruộng đất còn chậm, hạn chế khả năng hình thành vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Giai đoạn 2021 - 2025, trong bối cảnh tình hình thế giới, trong nước và địa phương gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhất là ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, thiên tai, biến động giá cả thị trường và yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân xã Hải Lăng đã phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần chủ động, sáng tạo, nỗ lực vượt khó và đạt được nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực.

Kinh tế duy trì đà tăng trưởng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Huy động nguồn lực đầu tư xã hội đạt kết quả tích cực, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được quan tâm đầu tư, diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò nền tảng; chương trình xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả nổi bật, chất lượng các tiêu chí từng bước được nâng cao. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ có bước phát triển khá, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập và chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn.

Các lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm đồng bộ. Giáo dục và đào tạo tiếp tục giữ vững chất lượng; công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phòng chống dịch bệnh được triển khai hiệu quả; an sinh xã hội được bảo đảm; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân từng bước nâng lên. Công tác giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm đạt nhiều kết quả tích cực.

Cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử được chú trọng; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước từng bước được nâng lên. Quốc phòng, an ninh được giữ vững; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được quan tâm thực hiện.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số hạn chế như: tăng trưởng kinh tế chưa thật sự bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm ở một số lĩnh vực; quy mô sản xuất nhỏ lẻ, sức cạnh tranh chưa cao; liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế; một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch; công tác quản lý đất đai, môi trường, quy hoạch có mặt còn bất cập; chất lượng nguồn nhân lực chưa đồng đều; tình hình an ninh trật tự tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Những kết quả đạt được trong giai đoạn 2021 - 2025 là nền tảng quan trọng, tạo thế và lực mới để xã Hải Lăng sau sáp nhập tiếp tục

phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn 2026 - 2030.

2. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất, giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết, thống nhất; vận dụng linh hoạt các chủ trương, nghị quyết phù hợp thực tiễn xã.

Thứ hai, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền; chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội; kịp thời tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

Thứ ba, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong tuyên truyền, vận động, tập hợp Nhân dân; nâng cao hiệu quả giám sát, phản biện xã hội; kịp thời nắm bắt, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân.

Thứ tư, khơi dậy sức mạnh đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường và tinh thần thi đua của Nhân dân; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật; tích cực tham gia phong trào xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững ổn định địa bàn.

Thứ năm, bảo đảm quốc phòng, an ninh; thường xuyên sơ kết, tổng kết, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến; nâng cao năng lực dự báo, chủ động xử lý kịp thời các tình huống phát sinh, không để bị động, bất ngờ.

Phần thứ II
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2026 - 2030

I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2026-2030

Trong giai đoạn 2026- 2030, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có nhiều diễn biến nhanh, phức tạp; xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là chủ đạo nhưng tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn về an ninh chính trị và an ninh kinh tế, bên cạnh đó biến đổi khí hậu và tình hình dịch bệnh diễn biến khó lường. Khoa học- công nghệ, đặc biệt là chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, năng lượng tái tạo… phát triển mạnh mẽ, vừa là cơ hội và thách thức cho các quốc gia, địa phương. Đất nước tiếp tục phát huy thế và lực mới, hội nhập quốc tế sâu rộng; các chủ trương lớn của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới, phát triển nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, bảo vệ môi trường… tiếp tục được đẩy mạnh, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở.

Tỉnh Quảng Trị (mới) được thành lập tạo nền tảng quan trọng, mở ra không gian và cơ hội bứt phá mạnh mẽ cho các địa phương. Xã Hải Lăng được thành lập, bên cạnh những thuận lợi, cũng đối mặt với không ít khó khăn, thách thức từ thực tiễn, đặc biệt là trong gian đoạn đầu triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, cùng với một số khó khăn nội tại của địa phương. Tuy nhiên, địa phương cũng có nhiều lợi thế quan trọng: hệ thống giao thông từng bước hoàn thiện, tăng cường liên kết vùng, mở rộng không gian phát triển; nhiều dự án động lực trên địa bàn và khu vực lân cận thu hút nhiều lao động, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống Nhân dân; hạ tầng trung tâm được tỉnh quy hoạch, hỗ trợ đầu tư, tạo điều kiện phát triển đồng bộ các lĩnh vực và chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Xã có truyền thống trong chiến đấu, xây dựng quê hương, là nền tảng tạo động lực nội sinh vững chắc; cùng với chủ trương sắp xếp bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu quả, được Nhân dân đồng thuận, củng cố niềm tin và khí thế cho

bước phát triển mới.

Bên cạnh những thuận lợi, xã vẫn đối mặt với không ít khó khăn, thách thức: Kinh tế còn hạn chế; kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ; nguồn thu ngân sách hạn hẹp; thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp; tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tiềm ẩn yếu tố bất ổn. Những vấn đề này đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt, linh hoạt và sáng tạo của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong nhiệm kỳ tới, nhằm tận dụng tốt cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn tới.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ và khối đại đoàn kết toàn dân; đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội gắn với bảo vệ môi trường, bảo đảm an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Phấn đấu đưa xã Hải Lăng đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại trước năm 2030.

III. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU, THÀNH PHẦN

1. Chỉ tiêu về kinh tế

- Tốc độ tăng tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn bình quân hàng năm: 10 - 11%.

- Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân hàng năm (Tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất): 9 - 11%.

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030: 110-120 triệu đồng.

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: *Nông, lâm nghiệp và thủy sản: 23,16%, Công nghiệp và xây dựng: 33,34%, Dịch vụ: 43,5%.*

- Giá trị sản xuất bình quân/ha đất canh tác thực hiện đến năm 2030: 100-110 triệu đồng.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt thực hiện đến năm 2030: 7.800 tấn.

- Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn thực hiện đến năm 2030: 3.750-4.250 tỷ đồng.

2. Chỉ tiêu về xã hội

- Phấn đấu xã đạt chuẩn NTM hiện đại trước năm 2030.

- Phấn đấu đến năm 2030 không còn hộ nghèo.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030: 100%.

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030: 96-98% (trong đó, tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đến năm 2030: ≥ 60%).

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân hằng năm: 1%.

- Tỷ lệ giảm nghèo (%/năm): 0,2-0,3%/năm.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD đến năm 2030: <4%.

- Tạo việc làm mới bình quân hàng năm: 180-200 người.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030: ≥ 85% (trong đó, *LĐ qua đào tạo được cấp văn bằng chứng chỉ:* ≥ 65%).

3. Chỉ tiêu về môi trường

- Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đến năm 2030: 100% (trong đó, tỷ lệ dân

số được cung cấp qua hệ thống cấp nước tập trung ≥ 60%).

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đến năm 2030: 98%.
- Tỷ lệ có hố xí tự hoại đến năm 2030: 100%.
- Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030: 56%.

4. Chỉ tiêu quốc phòng, an ninh

- Hằng năm, giảm tỷ lệ tội phạm về trật tự xã hội từ 3-5%
- Tỷ lệ giao quân hằng năm đạt 100%

5. Chỉ tiêu chuyển đổi số

- Tỷ lệ sử dụng DVC trực tuyến của người dân đến năm 2030: >80%.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, 03 KHÂU ĐỘT PHÁ

1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ và các mô hình kinh tế trên nền tảng ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, hướng tới phát triển bền vững.

- Huy động hiệu quả các nguồn lực để xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ, kết nối liên thôn, liên vùng; ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông trọng điểm gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao và bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền kiến tạo, phục vụ, chính quyền số. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nguồn lực con người, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân.

- Giữ vững quốc phòng, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững.

2. Các khâu đột phá (03 khâu)

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đầu tư hạ tầng, xây dựng xã đạt chuẩn Nông thôn mới, tiến tới hiện đại.

- Hoàn thiện quy hoạch, tăng cường đầu tư phát triển, mở rộng khu vực La Vang thành trung tâm phát triển về thương mại, dịch vụ, du lịch của xã; khai thác tiềm năng vùng đồi phía Tây, phát triển du lịch tâm linh, du lịch sinh thái gắn với bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số; xây dựng chính quyền số, Trung tâm phục vụ hành chính công của xã thực sự chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động hiệu quả đáp ứng yêu cầu của người dân và doanh nghiệp; xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, có uy tín đáp ứng yêu cầu công việc trong môi trường chuyển đổi số và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

V. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Đẩy nhanh phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động

1.1. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tài chính, tín dụng

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn thu vào ngân sách nhà nước; từng bước chủ động trong điều hành ngân sách, tạo nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc

phòng, an ninh trên địa bàn. Xây dựng và triển khai Kế hoạch tạo nguồn thu giai đoạn 2026 - 2030, trong đó chú trọng khai thác nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất và các nguồn thu hợp pháp khác; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh nhằm nuôi dưỡng, tạo lập và phát triển bền vững nguồn thu, khai thác hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh.

Tăng cường công tác quản lý thu ngân sách trên địa bàn; kiểm soát chặt chẽ công tác quyết toán thuế của các tổ chức, cá nhân, bảo đảm thu đúng, thu đủ, kịp thời, hạn chế thất thu và nợ đọng thuế.

Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; thực hiện công khai, minh bạch, kiểm tra, giám sát chặt chẽ các khoản chi ngân sách; bảo đảm chi tiêu đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí. Ưu tiên bố trí nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhất là các công trình hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất và đời sống Nhân dân, phát triển kinh tế xã hội địa phương, gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

Phối hợp với các tổ chức tín dụng nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng trên địa bàn; tạo điều kiện thuận lợi để người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, sản phẩm OCOP. Bảo đảm việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả; góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

1.2. Cơ cấu lại nền kinh tế

Cơ cấu lại nền kinh tế và các ngành, lĩnh vực có hiệu quả, thực chất. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ; gắn với đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống Nhân dân. Đến năm 2030, nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 23,16%; công nghiệp và xây dựng chiếm 33,34%; dịch vụ chiếm 43,5%. Phát triển đầy đủ, đồng bộ các loại thị trường, các yếu tố sản xuất để huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực và nâng cao năng suất lao động.

Nông nghiệp, lâm nghiệp: Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển nông nghiệp giai đoạn 2026-2030; phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, sinh thái, tập trung, ứng dụng khoa học, công nghệ; nâng cao giá trị gia tăng trên đơn vị diện tích, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm và thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai Kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với xây dựng thương hiệu "Nông sản Hải Lăng"; áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc, mã số, mã vạch, ghi nhãn hàng hóa, công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử xã; nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng, chủ lực gắn với phát triển sản xuất quy mô lớn; phấn đấu có từ 01–02 sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn 4-5 sao. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ, từng bước đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, hệ thống phân phối và chuỗi cung ứng sản phẩm sạch.

Tiếp tục thực hiện tích tụ ruộng đất, phát triển các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ; tăng cường liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ; trên cơ sở quy hoạch vùng, tạo điều kiện thu hút nhà đầu tư, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và người dân tham gia đầu tư, liên kết sản xuất. Phát huy lợi thế vùng gò đồi; phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, mở rộng diện tích rừng gỗ lớn, rừng đạt chứng chỉ FSC; phát triển cây dược liệu, lâm sản

ngoài gỗ dưới tán rừng gắn với du lịch sinh thái; nghiên cứu, phát triển một số giống cây trồng mới có liên kết thị trường tiêu thụ như cây trẩu, cây gai; tăng cường chuyển giao khoa học, kỹ thuật cho người dân.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp; từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, canh tác; sử dụng thiết bị bay không người lái trong một số khâu sản xuất; nâng cao hiệu quả bảo quản, chế biến nông sản; lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng điều kiện địa phương.

Công nghiệp, xây dựng: Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn theo hướng phù hợp với điều kiện địa phương, thân thiện môi trường; tạo điều kiện thu hút đầu tư vào các lĩnh vực chế biến, bảo quản nông sản, đóng gói sản phẩm, công nghiệp may, cơ khí, điện máy, vật liệu xây dựng; thúc đẩy phát triển và lấp đầy Cụm công nghiệp Hải Thượng theo quy hoạch; hình thành, phát triển cụm công nghiệp Dốc Son.

Thương mại, dịch vụ, du lịch: Triển khai xây dựng Chương trình phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch giai đoạn 2026-2030. Phát triển mạnh thương mại, dịch vụ gắn với mở rộng thị trường; nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu; đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm địa phương thông qua các kênh truyền thống và hiện đại, đặc biệt là thương mại điện tử.

Phát triển du lịch trở thành lĩnh vực quan trọng trong cơ cấu kinh tế; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế địa phương; hình thành các tuyến, tour du lịch gắn với du lịch tâm linh, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái; khuyến khích đầu tư các điểm du lịch sinh thái tại khu vực hồ Thác Heo, Khe Khế và các khu vực tiềm năng khác. Phát huy vai trò khu vực La Vang trong phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch; hình thành các điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm địa phương gắn với phát triển dịch vụ lưu trú, ẩm thực, vận chuyển, quà lưu niệm; tổ chức các hoạt động hội chợ thương mại - du lịch gắn với các sự kiện tôn giáo; hỗ trợ người dân phát triển các mô hình kinh doanh dịch vụ như homestay, ẩm thực, sản phẩm thủ công, nông sản sạch.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, tiềm năng du lịch Hải Lăng trên các nền tảng số; tăng cường liên kết, phối hợp với các doanh nghiệp lữ hành xây dựng, kết nối các tour, tuyến du lịch giữa La Vang và các điểm du lịch trong và ngoài địa phương.

Tiếp tục cơ cấu lại đầu tư công theo hướng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tập trung, trọng điểm và bền vững. Tăng cường phân bổ vốn đầu tư theo nguyên tắc công khai, minh bạch, gắn với quy hoạch phát triển vùng, địa phương, ưu tiên các dự án hạ tầng quan trọng, dự án tạo động lực lan tỏa cho phát triển kinh tế - xã hội của xã, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, năng lượng, chuyển đổi số và ứng phó biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh đổi mới cơ chế quản lý đầu tư công, nâng cao trách nhiệm trong quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án và quản lý thực hiện. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng chuẩn bị đầu tư, tiến độ, hiệu quả đầu ra của dự án, giảm thiểu dàn trải, nợ đọng xây dựng cơ bản và thất thoát, lãng phí. Tăng cường xã hội hóa, huy động tối đa các nguồn vốn ngoài ngân sách và các nguồn hợp pháp khác. Đẩy mạnh thực hiện ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giám sát đầu tư công, đảm bảo công khai, minh bạch, tạo niềm tin cho nhà đầu tư và người dân. Đồng thời, chú trọng đánh giá, sắp xếp lại danh mục dự án, tập trung nguồn lực cho các công trình hoàn thành sớm, có khả

năng đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả ngay; từng bước chuyển đổi mô hình đầu tư sang hướng phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn và thích ứng biến đổi khí hậu.

2. Phát huy đầy đủ vai trò, chức năng của các thành phần kinh tế; tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh

Phát huy tối đa nội lực của địa phương, huy động hiệu quả các nguồn lực từ các thành phần kinh tế cho phát triển kinh tế - xã hội; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực; khuyến khích phát triển kinh tế hộ, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể theo hướng bền vững, phù hợp điều kiện thực tiễn của xã.

Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy về phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể; trong đó chú trọng thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, Nghị quyết số 20-NQ/TW; tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển bình đẳng, đúng quy định pháp luật.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; công khai, minh bạch các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, danh mục dự án kêu gọi đầu tư; tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tiếp cận các nguồn lực về đất đai, thông tin và dịch vụ công.

Tăng cường đối thoại, kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn; khuyến khích khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả.

Phát huy vai trò của kinh tế tập thể; củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác; khuyến khích liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp với hợp tác xã, tổ hợp tác và người dân trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, nhất là đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP của địa phương.

Đẩy mạnh liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến và dịch vụ; hỗ trợ các chủ thể sản xuất tham gia thị trường, mở rộng kênh tiêu thụ, từng bước nâng cao giá trị sản phẩm và thu nhập cho người dân; khuyến khích ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3. Tiếp tục phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, khai thác có hiệu quả các không gian phát triển mới và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

Hoàn thiện công tác quy hoạch, trọng tâm là tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch xã Hải Lăng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy hoạch tỉnh; xác định rõ không gian phát triển các ngành, lĩnh vực trên cơ sở tiềm năng, lợi thế của địa phương; định hướng phát triển các khu chức năng, khu dân cư, khu thương mại - dịch vụ, du lịch, các vùng sản xuất tập trung. Quản lý chặt chẽ quy hoạch đã được phê duyệt, tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện; sử dụng hiệu quả quỹ đất, chủ động tạo quỹ đất sạch phục vụ thu hút đầu tư và phát triển hạ tầng.

Đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tập trung huy động, lồng ghép hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026–2030 phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Ưu tiên đầu tư các công trình, dự án hạ tầng thiết yếu, các tuyến giao thông liên xã, liên vùng, các tuyến kết nối

khu trung tâm xã, khu vực La Vang và các vùng sản xuất, điểm du lịch (Hồ Thác Heo, Khe Khế, Trằm Lớn, Choi Pheo…), tạo động lực phát triển và thu hút đầu tư; tăng cường xã hội hóa, xây dựng danh mục dự án kêu gọi hỗ trợ, tài trợ; quan tâm đầu tư, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Hải Thượng. Nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư xây dựng, kiểm soát chất lượng công trình.

Đầu tư đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, tiếp tục đầu tư hệ thống hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống Nhân dân, gồm: giao thông nông thôn, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, thoát nước, điện, viễn thông; nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu. Gắn phát triển hạ tầng với xây dựng nông thôn mới, tập trung nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt, xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại. Phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững; đầu tư hạ tầng các vùng sản xuất tập trung, vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, vùng sản phẩm OCOP, vùng trồng rừng gỗ lớn, cây dược liệu; gắn kết sản xuất với chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm và phát triển du lịch sinh thái.

Đầu tư, phát triển hạ tầng thương mại - dịch vụ và du lịch gắn với tiềm năng địa phương; ưu tiên đầu tư khu vực La Vang trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch của xã; hình thành các điểm giới thiệu, trưng bày sản phẩm OCOP, khu ẩm thực, lưu trú, trải nghiệm văn hóa; từng bước hoàn thiện hạ tầng các điểm du lịch sinh thái như Hồ Thác Heo, Khe Khế, Trằm Lớn;… tăng cường kết nối với các tour, tuyến du lịch trong và ngoài tỉnh.

Từng bước đầu tư hạ tầng văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục, đào tạo; nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao thôn; bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa gắn với giáo dục truyền thống và phát triển du lịch. Thực hiện chỉnh trang nông thôn theo hướng sáng - xanh - sạch - đẹp; triển khai đặt tên đường, đánh số và gắn biển số nhà trên địa bàn. Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất giáo dục, y tế trên địa bàn; duy trì, nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia; củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của trạm y tế xã đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân.

4. Quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

Tăng cường quản lý, sử dụng đất đai hiệu quả, bền vững; tổ chức thực hiện Quy hoạch xã Hải Lăng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đồng bộ với quy hoạch tỉnh; quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất theo quy hoạch được phê duyệt. Xây dựng phương án sử dụng hiệu quả diện tích đất do UBND tỉnh thu hồi của Công ty Lâm trường Triệu Hải tại khu vực Khe Khế giao địa phương quản lý theo quy định; khai thác tốt nguồn lực từ đất đai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai; từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm trong đăng ký, quản lý đất đai, kết nối, chia sẻ dữ liệu địa chính phục vụ giải quyết thủ tục hành chính. Phối hợp triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình làm sạch, làm giàu dữ liệu đất đai theo chỉ đạo của cấp trên.

Thực hiện chặt chẽ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, bảo đảm đúng quy định, kịp thời phục vụ triển khai các công trình, dự án, nhất là các công trình trọng điểm trên địa bàn. Tăng cường rà soát, thu hồi, xử lý các trường hợp đất đã giao, cho thuê nhưng không sử dụng, chậm tiến độ, sử dụng sai mục đích, trái pháp luật.

Tăng cường quản lý tài nguyên, khoáng sản; thực hiện tốt công tác bảo vệ

khoáng sản chưa khai thác; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Huy động các nguồn lực, kêu gọi đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch tập trung, nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch trên địa bàn.

Đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường; tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường tại cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và trong khu dân cư, chăn nuôi. Tổ chức tốt công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn; khuyến khích phân loại rác tại nguồn, tái chế, tái sử dụng chất thải; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Huy động các nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao nhận thức cộng đồng trong bảo vệ môi trường.

Chủ động triển khai các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường bảo vệ môi trường; tích hợp nội dung bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của Nhân dân trong bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn; phát huy vai trò của cộng đồng trong chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai; rà soát, bổ sung phương án, kịch bản ứng phó với các tình huống thiên tai; từng bước đầu tư, trang bị hệ thống cảnh báo; xây dựng phương án sơ tán dân cư, quy hoạch lại các khu dân cư an toàn đối với các thôn có nguy cơ cao; huy động nguồn lực để khắc phục hậu quả thiên tai, ổn định đời sống Nhân dân.

5. Phát triển mạnh mẽ, đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế

Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các kế hoạch của Tỉnh ủy, Đảng ủy xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trong đó tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch số 15-KH/ĐU, ngày 18/9/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương.

Triển khai sâu rộng phong trào "Bình dân học vụ số", nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của hệ thống chính trị, từng bước số hóa hồ sơ, tài liệu; thực hiện xử lý công việc, giải quyết thủ tục hành chính và công tác điều hành trên môi trường số.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số; xây dựng môi trường đầu tư minh bạch, thuận lợi, khuyến khích đổi mới sáng tạo; triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế tư nhân; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy khởi nghiệp, tăng cường liên kết sản xuất – tiêu thụ.

Khuyến khích ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; thúc đẩy đưa các sản phẩm OCOP, nông sản chủ lực của địa phương lên các nền tảng số; ứng dụng truy xuất nguồn gốc, mã số, mã vạch nhằm nâng cao giá trị, thương hiệu và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Tạo môi trường thuận lợi để thu hút, trọng dụng, phát huy và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực có trình độ, am hiểu khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chủ động học tập, nâng cao năng lực số; phối hợp đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển địa phương.

6. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục-đào tạo, xây dựng xã hội học tập

Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 35-KH/ĐU, ngày 10/11/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Chương trình hành động số 08-CTr/TU, ngày 30/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Chú trọng phát triển giáo dục số, giáo dục thông minh, giáo dục thích ứng với sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, bảo đảm phát triển toàn diện năng lực, thể lực và phẩm chất người học. Nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

Đẩy mạnh cải tiến nội dung, phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia gắn với trường học bán trú; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các trường học; huy động hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương và nguồn xã hội hóa để phát triển hạ tầng giáo dục theo hướng đồng bộ, hiện đại.

Khuyến khích tạo điều kiện phát triển cơ sở giáo dục, các trung tâm giáo dục ngoài công lập. Phấn đấu đến năm 2027 có ít nhất một trường TH&THCS có mô hình bán trú; đến năm 2030 có 6/6 trường học đạt chuẩn quốc gia.

Tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, đảm bảo bố trí đủ biên chế theo quy định để đáp ứng tốt nhiệm vụ dạy và học. Địa phương tập trung ưu tiên nguồn lực đầu tư cho các điểm trường còn khó khăn nhằm đồng bộ hóa chất lượng giáo dục trên toàn địa bàn. Bên cạnh đó, xã chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp để đẩy mạnh hướng nghiệp, gắn giáo dục nghề nghiệp với nhu cầu lao động thực tế. Đồng thời, triển khai hiệu quả các cơ chế hỗ trợ thanh niên tiếp cận đào tạo nghề và kỹ năng mềm, đảm bảo cơ hội việc làm và phát triển nguồn nhân lực bền vững tại địa phương.

Xây dựng và phát triển mô hình xã hội học tập, thúc đẩy phong trào học tập suốt đời, đẩy mạnh giáo dục thường xuyên và triển khai hiệu quả phong trào "Bình dân học vụ số" phù hợp với từng đối tượng. Quan tâm phát triển mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng, đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, góp phần nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực tại địa phương.

7. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa và con người Hải Lăng; giải quyết việc làm, giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội; chăm lo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân

7.1. Xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hải Lăng

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 16-KH/ĐU, ngày 18/9/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Kết luận số 156-KL/TW ngày 21/5/2025 của Bộ Chính trị nhằm xây dựng văn hóa, con người Hải Lăng đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Quán triệt, cụ thể hóa và triển khai thực hiện Chương trình hành động số 14-CTr/TU, ngày 03/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam.

Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa. Tập

trung đầu tư, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở; tiếp tục đầu tư, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các lễ hội truyền thống, di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn. Thực hiện có hiệu quả Phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá"* và các mô hình, giá trị văn hóa phù hợp, gắn bó chặt chẽ với đời sống Nhân dân và gắn với xây dựng nông thôn mới.

Tăng cường xã hội hóa, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp đầu tư vào các hoạt động văn hóa, thể thao, xây dựng thiết chế văn hóa - thể thao, xây dựng nhà thi đấu, dịch vụ thể thao, phát triển các câu lạc bộ thể dục-thể thao.

Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong thông tin, tuyên truyền trên các trang mạng xã hội, trang thông tin điện tử xã, các fanpage của cơ quan, đơn vị,... để quảng bá hình ảnh địa phương. Tăng cường hệ thống truyền thanh cơ sở, ứng dụng công nghệ số, truyền thanh thông minh để tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cung cấp kịp thời thông tin từ xã, thôn đến người dân.

7.2. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, dân số, gia đình và trẻ em

Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 40-KH/ĐU, ngày 05/12/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy thực hiện Chương trình hành động số 02-CTr/TU, ngày 28/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển.

Tiếp nhận đơn vị sự nghiệp y tế trên cơ sở chuyển giao các trạm y tế, chức năng, nhiệm vụ y tế dự phòng, dân số của Trung tâm y tế.

Xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động y tế xã. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, củng cố hệ thống y tế cơ sở, huy động nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho trạm y tế xã; nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ y, bác sĩ. Ứng dụng công nghệ thông tin và y tế số, triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, khám chữa bệnh từ xa.

Tăng cường truyền thông về phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng đầy đủ, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, nước sạch và vệ sinh môi trường. Chăm sóc sức khỏe toàn diện, trong đó chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng, nâng cao chiều cao, thể lực thế hệ trẻ.

Xây dựng gia đình văn hóa; tuyên truyền, phòng chống bạo lực gia đình, bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, tạo môi trường an toàn, lành mạnh. Phát triển các mô hình câu lạc bộ gia đình, nuôi dạy con để hỗ trợ kiến thức cha mẹ. Huy động sự chung tay của cộng đồng trong công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

7.3. Thúc đẩy giải quyết việc làm, giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, giảm nghèo hằng năm. Gắn phát triển kinh tế với tạo việc làm bền vững; đa dạng hóa sinh kế, ngành nghề phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ, chế biến nông sản, du lịch sinh thái – cộng đồng, thương mại – dịch vụ; duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác xã gắn với tiêu thụ sản phẩm, thương mại điện tử nhằm tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho người dân. Đẩy mạnh liên kết vùng, tạo điều

kiện để lao động địa phương tham gia làm việc tại các khu kinh tế, khu công nghiệp trong tỉnh và khu vực miền Trung, đồng thời có giải pháp phù hợp để thu hút, giữ chân lao động có tay nghề phục vụ phát triển kinh tế tại địa phương.

Tập trung đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường lao động; hỗ trợ chuyển đổi nghề cho lao động nông thôn, nhất là lao động trong khu vực nông nghiệp. Đẩy mạnh đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại các thị trường có thu nhập cao; đồng thời quan tâm hỗ trợ người lao động sau khi về nước ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất, kinh doanh tại địa phương.

Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030 gắn với xây dựng nông thôn mới. Thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới. Tăng cường hỗ trợ tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; xây dựng các mô hình sinh kế bền vững gắn với chuỗi giá trị sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ kỹ thuật, giống, vật tư đầu vào và kết nối thị trường tiêu thụ. Khuyến khích hộ nghèo tham gia các tổ hợp tác, hợp tác xã để nâng cao hiệu quả sản xuất, từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch các chính sách an sinh xã hội; mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện, nhất là đối với nông dân. Quan tâm chăm lo người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chi trả chính sách an sinh xã hội, bảo đảm đúng đối tượng, hạn chế trùng lặp, sai sót.

Phát huy vai trò của hệ thống chính trị trong công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức và ý chí vươn lên của người dân trong giảm nghèo, phát triển kinh tế. Huy động các nguồn lực xã hội hóa; tăng cường kết nối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa phương để hỗ trợ tạo việc làm, phát triển sinh kế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân.

8. Củng cố, bảo đảm quốc phòng, an ninh; thực hiện tốt công tác đối ngoại

Tiếp tục chỉ đạo quán triệt sâu rộng quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới; thực hiện hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, kết luận, chương trình hành động của Trung ương, của tỉnh, xã về công tác quốc phòng, an ninh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững chắc.

Chỉ đạo Công an, Quân sự xã thực hiện hiệu quả quy chế phối hợp theo Nghị định 03/2019/NĐ-CP của Chính phủ; nắm chắc tình hình, dự báo đúng, sát và kịp thời tham mưu giải quyết các vấn đề phát sinh từ sớm, từ cơ sở, không để bị động, bất ngờ, phức tạp, kéo dài. Thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm; siết chặt, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 04-NQ/ĐU, ngày 26/12/2025 của Đảng ủy xã "về xây dựng xã Hải Lăng thành xã không ma túy".

Tập trung xây dựng lực lượng vũ trang xã vững mạnh, toàn diện, sẵn sàng chiến đấu, chú trọng trang bị phương tiện, công cụ hỗ trợ đối với lực lượng Dân quân tự vệ, Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Duy trì nghiêm chế độ trực SSCĐ, trực chỉ huy, trực ban, trực chiến, tổ chức tuần

tra, canh gác bảo đảm an toàn đơn vị. Tiếp tục tổ chức luyện tập thuần thục các phương án chiến đấu bảo vệ cơ quan, đơn vị.

Kết hợp tốt giữa bảo đảm quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn. Thực hiện tốt công tác tuyển quân hằng năm và diễn tập tác chiến trong khu vực phòng thủ xã.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự gắn với đẩy mạnh toàn diện công tác cải cách hành chính; tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ gắn với ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, dữ liệu số trong quản lý nhà nước trên lĩnh vực an ninh, trật tự.

Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 23-KH/ĐU, ngày 10/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Chương trình hành động số 04-CTr/TU, ngày 25/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, UBND xã báo cáo./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (bc);
- Sở Tài chính (bc);
- BTV Đảng ủy (bc)
- TT HĐND xã (bc);
- CT, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Các thôn, HTX;
- CVP, PVP, TH;
- Lưu: VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Phong

PHỤ LỤC 1
Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về kinh tế- xã hội 2021-2025 của xã Hải Lăng (sáp nhập từ 03 xã Hải Phú, Hải Thượng, Hải Lâm) theo Nghị quyết HĐND các xã (cũ)

(Kèm theo Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030)

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XVII		Kết quả giai đoạn 2021 - 2025		Đánh giá
			Thực hiện đến năm 2025	Bình quân giai đoạn 2021-2025	ƯTH đến năm 2025	Bình quân giai đoạn 2021-2025	
A	**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**						
I	**Kinh tế**						
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân hàng năm (giá trị sản xuất)	%		9-10	9,50	8,66	Khó đạt
	Trong đó:						
	- Công nghiệp - xây dựng	%				10,60	
	- Dịch vụ	%				11,03	
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%				4,34	
2	Cơ cấu kinh tế	%	100		100		
	- Công nghiệp - xây dựng	%	32,69		31,51		
	- Dịch vụ	%	37,07		39,70		
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	30,23		28,79		
3	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	30-35 (cả GĐ)		30,6 (cả GĐ)	6,13	Khó đạt
4	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Tỷ đồng			4.673 (cả GĐ)	934,6	
5	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	89,04		88,08		
II	**Xã hội**						
6	Tạo việc làm hàng năm	Người		160-180	829 (cả GĐ)	165,80	Đạt
7	Tỷ lệ hộ nghèo giảm hàng năm	%		0,17		0,17	Đạt

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XVII		Kết quả giai đoạn 2021 - 2025		Đánh giá
			Thực hiện đến năm 2025	Bình quân giai đoạn 2021-2025	ƯTH đến năm 2025	Bình quân giai đoạn 2021-2025	
9	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%					
	- Tỷ lệ trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia	%	100		66,7		Khó đạt
	Tỷ lệ trường Tiểu học và THCS đạt chuẩn quốc gia	%	100		100		Đạt
11	Số bác sỹ và giường bệnh bình quân trên 1 vạn dân						
	- Số bác sỹ bình quân trên 1 vạn dân	Bác sỹ	7		7		Đạt
	- Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường	30		30		Đạt
12	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	97,1		92,2		Khó đạt
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	82,0		83,65		Vượt
	Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	59,9		62,3		Vượt
III	**Môi trường**						
14	Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch	%	71,5		71,5		Đạt
15	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế được xử lý	%	97,2		96,0		xấp xỉ đạt
B	**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ-XÃ HỘI KHÁC**						
1	Sản lượng lương thực có hạt	tấn	8000,0		8322,3		Vượt
2	Tỷ lệ độ che phủ rừng đến năm 2025	%	51,0		50,7		xấp xỉ đạt
3	Về xây dựng đời sống văn hóa						
	Tỷ lệ làng, thôn có nhà văn hóa- sân TDTT	%	100		100		Đạt

PHỤ LỤC 2
Các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh giai đoạn 2026-2030

(Kèm theo Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030)

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện đến năm 2030	Bình quân giai đoạn 2026 - 2030
A	**CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**			
1	Tốc độ tăng tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn bình quân hàng năm	%		10-11
2	Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân hàng năm (Tốc độ tăng tổng giá trị sản xuất)	%		9-11
	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%		5-6
	Công nghiệp và xây dựng	%		11-12
	Dịch vụ	%		12-13
3	Thu nhập bình quân đầu người	triệu đồng	110-120	
4	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (hộ có lao động)	%	0	
5	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	100	
6	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	96- 98	
	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%	≥ 60	
7	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch	%	100	
	Trong đó tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	≥ 60	
8	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%	98	
9	Hàng năm, giảm tỷ lệ tội phạm về TTXH			3-5%
10	Tỷ lệ giao quân hàng năm			100%
B	**CÁC CHỈ TIÊU THÀNH PHẦN**			

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện đến năm 2030	Bình quân giai đoạn 2026 - 2030
I	**Chỉ tiêu kinh tế**			
1	Cơ cấu kinh tế			
	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	23,16	
	Công nghiệp và xây dựng	%	33,34	
	Dịch vụ	%	43,5	
2	Giá trị sản xuất bình quân/ha đất canh tác	triệu đồng	100-110	
3	Tổng sản lượng lương thực có hạt	tấn	7800	
4	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Tỷ đồng	3.750-4.250 (Cả GĐ)	
5	Phấn đấu xã đạt chuẩn NTM hiện đại trước năm 2030			
II	**Chỉ tiêu về văn hóa- xã hội**			
6	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân hằng năm	%	1	
7	Tỷ lệ giảm nghèo (%/năm)	%	0,2-0,3	
8	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD	%	<4	
9	Tạo việc làm mới bình quân hàng năm	Người/năm	180-200	
10	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	≥ 85	
	Trong đó: LĐ qua đào tạo được cấp văn bằng chứng chỉ	%	≥ 65	
III	**Chỉ tiêu về môi trường**			
11	Tỷ lệ có hố xí tự hoại	%	100	
12	Tỷ lệ che phủ rừng	%	56	
IV	**Chuyển đổi số**			
13	Tỷ lệ sử dụng DVC trực tuyến của người dân	%	> 80	